

## **KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với điều kiện thực tiễn tại tỉnh Quảng Nam.

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện đối với từng lĩnh vực, từ đó xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chiến lược.

#### **2. Yêu cầu**

- Các ngành, địa phương chủ động, tích cực tổ chức tuyên truyền về triển khai thực hiện Chiến lược thủy sản đến cán bộ, ngư dân và những đối tượng có liên quan để nắm bắt được định hướng chung của ngành Thủy sản; căn cứ vào điều kiện thực tiễn đề xuất, tham mưu cơ chế, chính sách, các chương trình, đề án, dự án để ưu tiên triển khai.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách; huy động nguồn lực của địa phương và vốn ngoài ngân sách phù hợp điều kiện của địa phương để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của kế hoạch; thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ với nội dung kế hoạch; rà soát, củng cố bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ quản lý Nhà nước chuyên ngành thủy sản tại địa phương, nâng cao năng lực quản lý nhà nước.

### **II. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển thủy sản theo hướng hiện đại, trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; thân thiện môi trường; bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học; thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân, xây dựng nông thôn mới; kết hợp phát triển kinh tế với xây dựng thể trận quốc phòng, an ninh trên biển vững mạnh, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên các vùng biển đảo của Tổ quốc.

## **2. Các chỉ tiêu cụ thể**

### *2.1. Đến năm 2030*

- Tổng sản lượng thủy sản đến năm 2030 đạt khoảng 125.000 - 130.000 tấn (khai thác thủy sản chiếm 70%, nuôi trồng thủy sản chiếm 30%).
- Số lượng tàu cá 2.756 chiếc, trong đó có 686 tàu cá vùng khơi, 716 tàu cá vùng lộng, 1.338 tàu cá vùng bờ.
- Diện tích nuôi trồng thủy sản: 6.996 ha, trong đó nuôi nước lợ 1.996 ha, nước ngọt 5.000 ha; thể tích lồng bè: 465.000 m<sup>3</sup> (nước lợ, mặn 400.000 m<sup>3</sup>, nước ngọt 65.000 m<sup>3</sup>).
- Giá trị sản xuất 5.700 tỷ đồng, chiếm từ 32-33% trong cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó: khai thác thủy sản đạt 3.500 tỷ đồng, nuôi trồng thủy sản đạt 2.200 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

### *2.2. Đến năm 2045*

Thủy sản là ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu các ngành kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển, góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm; bảo đảm an sinh xã hội; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

## **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

### **1. Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản**

- Tổ chức quản lý, bảo vệ các khu vực thủy sản tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống, môi trường sống gắn với tăng cường thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản đối với các vùng biển ven bờ, vùng nước nội địa.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu bảo tồn biển, phát triển bảo tồn biển gắn với du lịch sinh thái và nông thôn mới.
- Tăng cường hoạt động bổ sung tái tạo nguồn lợi thủy sản tại các thủy vực nước tự nhiên (nội địa, hồ chứa, sông, vùng biển); đẩy mạnh xã hội hóa sâu rộng hoạt động bổ sung tái tạo nguồn lợi thủy sản.
- Ưu tiên bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái ngập mặn; hình thành các khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản quý hiếm.
- Triển khai Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản, huy động các nguồn lực tài chính cho bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

### **2. Khai thác thủy sản**

- Xây dựng cơ cấu nghề khai thác hợp lý, cơ cấu lao động chuyên ngành, kiêm nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn lợi thủy sản, đặc điểm kinh tế - xã hội từng vùng. Phân bổ hạn ngạch khai thác thủy sản phù hợp cho các đội tàu khai thác.

- Phát triển khai thác hải sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường độ khai thác đảm bảo phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản; khuyến khích phát triển nghề để tăng hiệu quả sản xuất; tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật trong khai thác và bảo quản sản phẩm nhằm giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch, đảm bảo an toàn thực phẩm, điều kiện sống và làm việc của thuyền viên.

- Tổ chức điều chỉnh, sắp xếp lại hoạt động khai thác hải sản vùng lộng, vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa hợp lý; gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với phát triển nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái, nghề cá giải trí; giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi các nghề xâm hại lớn đến nguồn lợi, sử dụng nhiều nhiên liệu sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản.

- Tuân thủ các quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

- Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng quản lý nghề cá đảm bảo giám sát hoạt động của người và tàu cá; cảnh báo các sự cố, rủi ro, thiên tai trên biển; tham gia hiệu quả công tác hỗ trợ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh biển đảo.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển khai thác thủy sản; củng cố, đổi mới các tổ, đội, hợp tác xã; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

### **3. Nuôi trồng thủy sản**

- Tiếp tục phát triển nuôi hiệu quả các đối tượng chủ lực (tôm thẻ, tôm sú) và các loài thủy sản có giá trị kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, hiện đại.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản lồng bè trên mặt nước lớn (hồ chứa, đập thủy điện, sông). Chuyển đổi sang nuôi thủy sản tại các vùng đất nông nghiệp bị xâm nhập mặn.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thành một lĩnh vực sản xuất hàng hóa, tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; hài hòa với hoạt động của các ngành kinh tế khác, kết hợp xây dựng thể trận quốc phòng an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo.

- Chủ động phát triển hệ thống sản xuất giống thủy sản chủ lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển giống các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao, các loài mới có tiềm năng.

- Khuyến khích nuôi trồng thủy sinh vật làm cảnh, giải trí, đồ mỹ nghệ, dược phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Phát triển nuôi các loài cá truyền thống những vùng có điều kiện phù hợp ở nông thôn, miền núi nhằm chủ động nguồn cung thực phẩm, tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hộ gia đình nông dân, đồng bào miền núi, góp phần xóa đói giảm nghèo.

- Khuyến khích các mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng công nghệ mới, tiên tiến; khuyến khích các mô hình nuôi hữu cơ, sinh thái, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP) để nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, sản xuất giống, vật tư thủy sản, phòng trừ dịch bệnh, nuôi trồng thủy sản.

#### **4. Chế biến và thương mại thủy sản**

- Kêu gọi và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đầu tư thu mua, chế biến sản phẩm thủy sản trong tỉnh.

- Khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở chế biến áp dụng quy trình, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như: ISO, HACCP, GMP...

- Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị gắn nuôi trồng, khai thác với chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản gắn với thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm thủy sản.

#### **5. Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá**

- Khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Củng cố, phát triển ngành cơ khí, đóng mới, sửa chữa tàu cá, ưu tiên sử dụng vật liệu mới trong đóng tàu cá.

- Phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản và nuôi trồng thủy sản trên biển, hình thành các liên kết cung ứng vật tư nhu yếu phẩm và thu mua hải sản giúp người dân bám biển, giảm chi phí sản xuất, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Đầu tư nâng cấp các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão.

- Áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tự động hóa, chuyển đổi số nâng cao hiệu quả trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thủy sản.

### **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Công tác quy hoạch, phát triển kết cấu hạ tầng ngành thủy sản đồng bộ**

- Xây dựng, hoàn thiện phương án sản xuất nông lâm ngư nghiệp tích hợp vào quy hoạch kinh tế - xã hội tỉnh; chương trình, đề án, dự án lĩnh vực thủy sản.

- Tập trung các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng ngành thủy sản đồng bộ, phù hợp quy hoạch, chương trình, đề án lĩnh vực thủy sản, đáp ứng tiêu chí, quy định của Luật Thủy sản bao gồm: cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất giống thủy sản tập trung; hoạt động kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản; khu bảo tồn biển; cơ sở đóng, sửa tàu cá, sản xuất ngư cụ; hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động của tàu cá trên biển; số hóa dữ liệu thủy sản; hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

#### **2. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ**

- Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vào sản xuất.

- Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản, môi trường sống của các loài thủy sản, hình thành các khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản.

- Nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng, bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản.

- Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ sản xuất giống một số đối tượng nuôi có giá trị kinh tế đang còn phụ thuộc vào nguồn giống khai thác từ tự nhiên (nhuyễn thể, cá biển,...).

- Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ nuôi trồng thủy sản có năng suất cao, chất lượng, tuần hoàn, tiết kiệm nước, năng lượng, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với các hệ thống nuôi thâm canh, siêu thâm canh, nuôi hữu cơ, sinh thái.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, dự báo ngư trường, nguồn lợi, giám sát hoạt động tàu cá; công nghệ khai thác; quản lý nuôi trồng thủy sản; cơ giới hóa, tự động hóa trong khai thác; bảo quản sản phẩm sau thu hoạch; cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

### **3. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực**

- Đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật, đặc biệt đối với cán bộ chuyên sâu trong các lĩnh vực về thủy sản (ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học trong quản lý thủy sản, khai thác nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản, di truyền, chọn giống, dịch bệnh, dinh dưỡng, môi trường, công nghệ sơ chế, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch,...).

- Đào tạo cán bộ quản lý thủy sản đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, có khả năng ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành; bồi dưỡng, chuyên môn nghiệp vụ nâng cao năng lực cán bộ phụ trách lĩnh vực thủy sản cấp xã.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng, công nhân, lao động kỹ thuật chuyên ngành thủy sản đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ ngành thủy sản.

### **4. Các cơ chế, chính sách**

#### **4.1. Chính sách về đất và mặt nước**

Chính sách giao, cho thuê, thu hồi, trưng dụng đất, mặt nước, khu vực biển đã giao để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật.

#### **4.2. Chính sách tài chính và tín dụng**

- Ngân sách nhà nước ưu tiên thực hiện đầu tư, hỗ trợ:

+ Phát triển cơ sở hạ tầng ngành thủy sản đồng bộ;

+ Giảm cường lực khai thác thủy sản để bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi nghề từ khai thác thủy sản sang các ngành nghề khác; tham gia tìm kiếm cứu nạn trên biển, tham gia bảo vệ quốc phòng an ninh chủ quyền biển, đảo;

+ Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực ngành thủy sản;

+ Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

+ Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho tổ chức cộng đồng tham gia quản lý, bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi thuế, phí đối với các hoạt động trong các lĩnh vực của ngành thủy sản.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm cho tàu cá và thuyền viên; người lao động và cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; sản xuất, kinh doanh lĩnh vực thủy sản; thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản theo quy định của pháp luật.

## **5. Thị trường và xúc tiến thương mại**

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tại các thị trường trọng điểm và tiềm năng.

- Nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận thông tin thị trường, thương mại thủy sản cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và các bên có liên quan.

- Phát triển, mở rộng thị trường nội địa, đa dạng sản phẩm chế biến từ các đối tượng nuôi truyền thống, đối tượng mới; đặc biệt chú trọng giới thiệu, quảng bá, hướng dẫn tiêu dùng các sản phẩm thủy sản tới các đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, khu tập trung dân cư.

- Xây dựng thương hiệu và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, ưu tiên cho những sản phẩm thủy sản chủ lực, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và quy cách sản phẩm thủy sản của các thị trường tiêu thụ.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo cán bộ có trình độ cao cho ngành thủy sản, trong ứng dụng công nghệ thủy sản, tìm kiếm thị trường...

## **6. Nâng cao năng lực chế biến thủy sản**

- Đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư, nâng cấp các nhà máy chế biến thủy sản để tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh ứng dụng chương trình quản lý chất lượng, công nghệ thông tin.

- Đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định trong nước và quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh xây dựng các mô hình phát triển sản phẩm thủy đặc sản, truyền thống, theo chuỗi liên kết, gắn với hoàn thiện công nghệ, nâng cấp chất lượng, an toàn thực phẩm, cải tiến mẫu mã sản phẩm, thực hiện đăng ký nhãn hiệu gắn với tên địa danh.

- Mở rộng thị trường nhập khẩu nguyên liệu hợp pháp, ổn định về số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu chế biến phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

### **7. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của nông dân, ngư dân trong công tác bảo vệ môi trường, phòng trừ dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản,...

- Triển khai có hiệu quả kế hoạch phòng chống dịch bệnh thủy sản, chủ động khoanh vùng và dập dịch trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Duy trì, giữ vững diện tích, tối ưu sức sản xuất các vùng nuôi sinh thái, phát triển diện tích, đối tượng nuôi trồng thủy sản hữu cơ.

- Áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường để giảm thiểu và xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất thủy sản. Có biện pháp quản lý, khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tái chế các phế phẩm từ hoạt động sản xuất thủy sản.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và tổ chức quản lý, giám sát cộng đồng để quản lý môi trường và áp dụng các hình thức xử phạt nghiêm đối với các cơ sở sản xuất không tuân thủ quy định của pháp luật.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đặc biệt là xử lý chất thải và nước thải trong quá trình sản xuất để bảo đảm tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

### **8. Tổ chức sản xuất**

- Tổ chức liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ ở tất cả các lĩnh vực và đối tượng sản phẩm, tạo sự gắn kết, chia sẻ lợi nhuận, rủi ro giữa các doanh nghiệp, người sản xuất, dịch vụ vật tư đầu vào và các doanh nghiệp chế biến thủy sản nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm thủy sản.

- Phát triển các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã, đồng quản lý, liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp chế biến tiêu thụ với doanh nghiệp và người khai thác, nuôi trồng thủy sản. Xây dựng các vùng nuôi công nghiệp, công nghệ cao sản xuất thủy sản hàng hóa lớn.

- Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng rộng rãi sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, cấp mã số vùng nuôi, gắn với việc truy xuất nguồn gốc, điều kiện an toàn thực phẩm và thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP).

- Liên kết với các ngành kinh tế khác đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các ngành kinh tế trong việc sử dụng tài nguyên, nguồn lực.

- Giảm số lượng tàu cá và sản lượng khai thác thủy sản để phục hồi nguồn lợi thủy sản. Thành lập, củng cố các tổ hợp tác, hợp tác xã khai thác thủy sản. Tổ chức thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp chế biến tiêu thụ với doanh nghiệp và ngư dân. Tổ chức tốt thông tin liên lạc, cảnh báo thiên tai kịp thời cho ngư dân trên biển, bảo đảm an toàn đi biển, tổ chức ứng cứu kịp thời khi có rủi ro. Giao quyền quản lý, sử dụng vùng nước ven biển cho các tổ chức cộng đồng ngư dân thực hiện đồng quản lý, bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Tổ chức bảo tồn, khai thác nguồn lợi thủy sản và phát triển nuôi trồng thủy sản gắn kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích với phát triển các ngành kinh tế khác như du lịch, năng lượng, giao thông và phát triển đô thị, công nghiệp,... trong quy hoạch không gian biển, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh.

### **9. Tăng cường công tác quản lý nhà nước**

- Hoàn thiện hệ thống bộ máy tổ chức quản lý nhà nước chuyên ngành thủy sản, thành lập tổ chức Kiểm ngư theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đảm bảo thực thi pháp luật thủy sản hiệu quả; tăng cường tuần tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản gắn với bảo vệ ngư dân và quốc phòng an ninh trên biển.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong ngành thủy sản. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành thủy sản. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong quản lý hành chính và quản lý các lĩnh vực sản xuất thủy sản đáp ứng yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển ngành thủy sản trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

- Kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao và xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định.

- Thực hiện phân cấp quản lý nhà nước lĩnh vực thủy sản theo quy định.

- Tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm soát, giám sát: Quản lý tàu cá, lao động khai thác thủy sản, hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản; hoạt động của tàu cá, các quy định về ngư cụ, phân vùng khai thác, khu vực cấm khai thác và cấm khai thác có thời hạn; kiểm soát các giống, loài thủy sản ngoại lai xâm hại, đặc biệt đối với các loài thủy hải sản làm cảnh; chú trọng quản lý chất lượng giống, thức ăn, thuốc phòng trị bệnh và các chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản; kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm thủy sản theo chuỗi sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc.

- Kiểm soát tốt các nguồn thải từ khai thác, nuôi trồng đến chế biến thủy sản, đặc biệt các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá phải đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường theo quy định hiện hành.

- Tổ chức thực hiện truyền thông, cung cấp thông tin, tài liệu kỹ thuật về tiến bộ khoa học kỹ thuật; tính hợp pháp, an toàn trong nuôi trồng, khai thác, chế



biển và tiêu thụ các sản phẩm thủy sản trong nước và quốc tế nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi của truyền thông về sản phẩm thủy sản của Việt Nam.

#### **IV. CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN**

*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*

#### **V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN**

##### **1. Huy động nguồn vốn**

- Ưu tiên bố trí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
- Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành.
- Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA (nếu có).
- Vốn do tổ chức, cá nhân đầu tư (UBND tỉnh quy định cụ thể theo từng nội dung chương trình, dự án, đề án).
- Các nguồn vốn huy động khác (nếu có)

#### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện kế hoạch; tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án có liên quan.

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các ngành, địa phương thực hiện; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch cho UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, chỉ đạo.

Đề xuất, kiến nghị, trình UBND tỉnh quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn vốn để đầu tư phát triển kinh tế thủy sản theo quy định của pháp luật về đầu tư công; đồng thời phối hợp thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kinh tế thủy sản.

##### **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, tham mưu bố trí kinh phí từ các nguồn để thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch theo quy định.

##### **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và triển khai các giải pháp, tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ

phát triển thủy sản theo nhiệm vụ của kế hoạch. Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu thủy sản.

### **5. Sở Công Thương**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm thủy sản.

### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương lập phương án, kế hoạch sử dụng đất, mặt nước biển và chính sách về đất đai cho tổ chức, cá nhân thuê phát triển thủy sản; thẩm định các hồ sơ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

### **7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và chỉ đạo triển khai chương trình đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho cá nhân sản xuất thủy sản và chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho những cá nhân không còn khả năng sản xuất thủy sản hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác thuận lợi hơn.

### **8. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, đề xuất UBND tỉnh kiện toàn lại bộ máy, tổ chức cơ quan quản lý thủy sản theo đúng quy định pháp luật.

### **9. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển trong việc chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Tổ chức thẩm định, quản lý về mặt an ninh, trật tự, công tác bảo vệ biên giới trong quá trình triển khai thực hiện các dự án theo quy định.

### **10. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh**

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai kịp thời các chính sách tín dụng liên quan đến hoạt động phát triển thủy sản theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của tỉnh.

Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất các chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển thủy sản theo chỉ đạo của địa phương (nếu có) để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của kế hoạch.

### **11. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Nam**

Tổ chức thông tin, tuyên truyền chủ trương, định hướng phát triển sản xuất thủy sản; xây dựng các tin bài, chuyên đề, mô hình sản xuất mới, có hiệu quả để Nhân dân tham khảo, nhân rộng phát triển.

### **12. Các doanh nghiệp tư nhân, Hiệp hội nghề nghiệp thủy sản**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền, phổ biến đến doanh nghiệp, người dân thông tin về Chiến lược, kế hoạch của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật về thủy sản. Phát triển, mở rộng thị trường đảm bảo ổn định và bền vững, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu chứng nhận.

### **13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với điều kiện địa phương.

Tổ chức tuyên truyền phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các đối tượng có liên quan về nội dung của kế hoạch, quy định của pháp luật về thủy sản và các quy định hiện hành có liên quan; vận động, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển thủy sản trên địa bàn quản lý.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động có văn bản báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp./.

**Phụ lục I****CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN THỦY SẢN TỈNH QUẢNG NAM ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Thực hiện năm 2021</b>	<b>Dự kiến 2030</b>
<b>I</b>	<b>Nuôi trồng thủy sản</b>			
<b>1</b>	<b>Nuôi thương phẩm</b>			
1.1	Diện tích	Ha	7.150	6.996
a	Nuôi nước ngọt	Ha	4.900	5.000
b	Nuôi mặn lợ	Ha	2.250	1.996
1.2	Lồng bè nuôi	M <sup>3</sup>	223.700	465.000
a	Nuôi nước ngọt	M <sup>3</sup>	37.700	65.000
b	Nuôi mặn lợ	M <sup>3</sup>	186.000	400.000
1.2	Sản lượng	Tấn	29.574	39.000
a	Nuôi nước ngọt	Tấn	10.116	10.500
b	Nuôi mặn lợ	Tấn	19.458	29.400
<b>2</b>	<b>Sản xuất giống</b>			
2.1.	Giống nước ngọt			
a	Cơ sở	Cơ sở	02	02
b	Số lượng giống	Triệu con	4	5
2.2	Giống tôm			

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Thực hiện năm 2021</b>	<b>Dự kiến 2030</b>
a	Cơ sở	Cơ sở	37	38
b	Số lượng giống	Triệu con	400	1.000
<b>II</b>	<b>Khai thác thủy sản</b>			
<b>1</b>	<b>Tàu cá</b>	<b>Chiếc</b>	<b>2.999</b>	<b>2.756</b>
a	Chiều dài từ 6 đến dưới 12 mét	Chiếc	1.594	1.338
b	Chiều dài từ 12 mét đến dưới 15 mét	Chiếc	729	716
c	Chiều dài từ 15 mét trở lên	Chiếc	676	702
<b>2</b>	<b>Sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>97.500</b>	<b>91.000</b>
<b>III</b>	<b>Bảo vệ nguồn lợi thủy sản</b>			
1	Khu bảo tồn biển	Khu	01	02
2	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Khu	-	01
<b>IV</b>	<b>Cảng cá và khu neo đậu</b>			
1	Cảng cá loại I	Cảng	-	1
2	Cảng cá loại II	Cảng	2	1
3	Cảng cá loại III	Cảng	1	4
4	Khu neo đậu	KNĐ	4	7
<b>V</b>	<b>Doanh nghiệp chế biến thủy sản</b>	<b>Cơ sở</b>	<b>8</b>	<b>9</b>
<b>VI</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	<b>Tỉ đồng</b>	<b>4.373</b>	<b>5.700</b>

**Phụ lục II****CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)

<b>TT</b>	<b>Chương trình, đề án, dự án ưu tiên</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Dự trù Kinh phí triển khai (triệu đồng)</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
<b>I</b>	<b>Kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống quản lý nhà nước về thủy sản</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Nội vụ</b>	<b>Cơ quan, đơn vị có liên quan</b>	<b>Từ năm 2023</b>		
<b>II</b>	<b>Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức quy định lĩnh vực thủy sản cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan quản lý</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>Cơ quan, đơn vị có liên quan</b>	<b>Từ năm 2023</b>	<b>2.000</b>	<b>Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)</b>
<b>III</b>	<b>Dự án đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng</b>				<b>551.000</b>	
<b>1</b>	Đầu tư mở rộng khu neo đậu tránh trú bão và nâng cấp cảng cá Hồng Triều, xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên thành cảng cá loại II; khu neo đậu Cửa Đại, Cù Lao Chàm, thành phố Hội An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND huyện Duy Xuyên, UBND thành phố Hội An	2026 - 2030	250.000	Vốn đầu tư (NSTỉnh, NSTW hỗ trợ), XHH

TT	Chương trình, đề án, dự án ưu tiên	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự trù Kinh phí triển khai (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
2	Nâng cấp cảng cá Tam Quang thành cảng cá loại I; cảng cá, bến cá Cù Lao Chàm, Tam Kỳ, Thanh Hà, An Lương thành cảng cá loại III.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND Tp. Hội An	2023 - 2030	200.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh), XHH
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng cơ bản khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại huyện Núi Thành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND huyện Núi Thành	2023 - 2025	100.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh, NS Trung ương hỗ trợ)
4	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động văn phòng thanh tra kiểm soát nghề cá (văn phòng IUU)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2023	1.000	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản</b>				<b>114.500</b>	
1	Chương trình thả giống bổ sung phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023	3.000	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh), XHH
2	Thành lập khu bảo tồn biển Tam Hải, Núi Thành; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản kết hợp du lịch Tam Tiến	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên	Từ năm 2023 - 2030	10.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh,

<b>TT</b>	<b>Chương trình, đề án, dự án ưu tiên</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Dự trù Kinh phí triển khai (triệu đồng)</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
			quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố			NSTW hỗ trợ)
3	Xây dựng mô hình đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại vùng biển ven bờ và các thủy vực nội địa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển	Từ năm 2023 - 2030	10.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh), XHH
4	Đề án hỗ trợ chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản vùng ven bờ, các nghề khai thác xâm hại, hủy diệt nguồn lợi thủy sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển	Từ năm 2023 - 2030	20.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh), XHH
5	Thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Từ năm 2023 - 2030	1.500	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)
6	Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ các trang thiết bị khai thác, bảo quản, hàng hải cho các tàu đánh cá xa bờ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan	Từ năm 2023	50.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh)



<b>TT</b>	<b>Chương trình, đề án, dự án ưu tiên</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Dự trù Kinh phí triển khai (triệu đồng)</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
7	Chương trình điều tra nghề cá thương phẩm, điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản thủy sản chuyên đề	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và môi trường; các đơn vị nghiên cứu; các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan	Từ năm 2023	20.000	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh, NS Trung ương hỗ trợ)
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản</b>				<b>167.000</b>	
1	Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023	2.500	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)
2	Kế hoạch phòng chống dịch bệnh thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan	Hàng năm, bắt đầu từ năm 2023	2.500	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)
3	Phát triển mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ứng dụng công nghệ cao; nuôi sinh thái	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan	Từ năm 2023	12.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh), XHH
4	Phát triển nuôi lồng bè trên biển, sông, mặt nước lớn khác (hỗ trợ đầu tư mới, chuyển đổi lồng nuôi sử dụng vật liệu composite, HDPE; bảo hiểm ...)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan	Từ năm 2023	100.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh), XHH

TT	Chương trình, đề án, dự án ưu tiên	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự trù Kinh phí triển khai (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
5	Phát triển sản xuất giống cá biển	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan	Từ năm 2023	50.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh), XHH
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản</b>				<b>3.000</b>	
1	Chương trình xúc tiến thương mại đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan	Từ năm 2023	2.000	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh), XHH
2	Dự án hỗ trợ các cơ sở chế biến xuất khẩu áp dụng quy trình, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan	Từ năm 2023	1.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh), XHH
<b>VI</b>	<b>Nâng cao năng lực quản lý</b>				<b>17.500</b>	
1	Xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu, số hóa hệ thống thông tin thống kê ngành thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT,	Sở Thông tin và Truyền thông; Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan	Từ năm 2023	1.000	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)
2	Trang bị tàu Kiểm ngư và cano 275 HP thực hiện nhiệm vụ kiểm ngư, thanh tra thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính	Sở Tài chính, Kế hoạch và đầu tư; các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ	Năm 2023	16.000	Vốn đầu tư (NS tỉnh)

<b>TT</b>	<b>Chương trình, đề án, dự án ưu tiên</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Dự trù Kinh phí triển khai (triệu đồng)</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
			chức, cá nhân có liên quan			
3	Đầu tư, nâng cấp hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động tàu cá trên biển.	Sở Nông nghiệp và PTNT,	Sở Tài chính; Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan	Từ năm 2023	500	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)
<b>VII</b>	<b>Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; sơ kết, tổng kết</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>Các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân có liên quan</b>	<b>Hàng năm; sơ kết năm 2025, tổng kết năm 2030</b>	<b>200</b>	Vốn sự nghiệp (NS tỉnh)
	<b>Tổng kinh phí</b>				<b>855.200</b>	